

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GOLF COURSE CHÂU ĐỨC

1. Chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600899948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 26/6/2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 18/05/2018.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, cao ốc Sonadezi, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
4. Điện thoại: 02518.860787 Fax: 02518.860783
5. Website: www.sonadezichauduc.com.vn

Nay Quyết định thành lập Công ty TNHH Một thành viên Golf Course Châu Đức (dưới đây gọi tắt là Công ty) hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Bản Điều lệ dưới đây với các điều khoản cụ thể như sau:

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi trách nhiệm

Chủ sở hữu chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Điều 2. Tên doanh nghiệp

Tên Công ty viết bằng Tiếng Việt: Công ty TNHH Một thành viên Golf Course Châu Đức

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Chau Duc Golf Course Co.Ltd.

Tên Công ty viết tắt: Chau Duc Golf Course

Điều 3. Địa chỉ trụ sở chính của Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp – Đô thị Châu Đức, Thôn Hữu Phước, xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 4. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
2	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
3	Hoạt động thể thao khác	9319
4	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
5	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621

STT	Tên ngành	Mã ngành
6	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
7	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4698
8	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721

Điều 5. Địa vị pháp lý và thời gian hoạt động của Công ty

1. Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, là đơn vị hạch toán độc lập, có con dấu riêng, có tài khoản riêng tại ngân hàng và tự chủ trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Chủ sở hữu Công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty.

Công ty có các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp như quy định tại Điều 7, 8 Luật doanh nghiệp.

Công ty hoạt động tuân theo pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các điều khoản của Điều lệ này.

2. Thời hạn hoạt động của Công ty theo quyết định của Chủ sở hữu Công ty.

Điều 6. Con dấu của công ty

1. Công ty chỉ sử dụng 01 con dấu duy nhất. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin cơ bản: tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp và những thông tin khác theo quy định.

2. Trước khi sử dụng con dấu, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu: do Hội đồng thành viên Công ty quyết định. Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ được thực hiện tại trụ sở chính của Công ty.

4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, SỬ DỤNG LỢI NHUẬN, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Điều 7. Vốn điều lệ của Công ty

1. Toàn bộ vốn điều lệ của Công ty là do chủ sở hữu Công ty góp.
2. Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là: **140.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tỷ đồng), trong đó:
 - Tiền mặt: 20.000.000.000 đồng
 - Tài sản khác: 120.000.000.000 đồng
3. Chủ sở hữu cam kết góp đủ và đúng loại tài sản góp vốn như Khoản 1 Điều này trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
4. Trường hợp Công ty không góp đủ vốn điều lệ trong thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều này, chủ sở hữu Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị số vốn thực góp trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ vốn điều lệ. Trường hợp này, chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh trong thời gian trước khi Công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ.

Điều 8. Cách thức thay đổi vốn điều lệ của Công ty

1. Công ty có thể tăng vốn điều lệ bằng việc chủ sở hữu Công ty đầu tư thêm hoặc huy động thêm vốn góp của người khác. Chủ sở hữu quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ.

Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, Công ty phải đăng ký chuyển đổi thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên hoặc Công ty cổ phần trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thay đổi vốn điều lệ theo quy định tại điều 87 hoặc Điều 196 Luật doanh nghiệp.

2. Công ty được giảm vốn điều lệ theo hình thức:

- a) Hoàn trả một phần vốn góp trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho chủ sở hữu;
- b) Vốn điều lệ không được chủ sở hữu thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty:

1. Quyền của chủ sở hữu Công ty:
 - a) Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - b) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - c) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý Công ty;
 - d) Quyết định dự án đầu tư phát triển;
 - đ) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - e) Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác do Điều lệ Công ty quy định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - g) Quyết định bán tài sản Công ty;

- h) Quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức hoặc cá nhân khác;
- i) Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;
- k) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty;
- l) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;
- m) Quyết định tổ chức lại, tạm ngưng hoạt động, thu hồi giải thể và yêu cầu phá sản Công ty;
- n) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty ngừng hoạt động, hoàn thành giải thể hoặc phá sản; bị thu hồi giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- o) Quyền khác theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty.

2. Nghĩa vụ của chủ sở hữu:

- a) Góp đầy đủ và đúng hạn vốn điều lệ Công ty theo Điều 7 Điều lệ này.
- b) Tuân thủ Điều lệ Công ty.
- c) Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu Công ty và tài sản của Công ty.
- d) Tuân thủ quy định của Pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Công ty và chủ sở hữu Công ty.
- đ) Chủ sở hữu Công ty không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Quyền của chủ sở hữu:

- a) Chủ sở hữu Công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.
- b) Quyền của chủ sở hữu Công ty trong một số trường hợp đặc biệt được thực hiện theo các quy định tại Điều 77 Luật Doanh nghiệp.

Điều 10. Năm tài chính và báo cáo tài chính của Công ty

1. Công ty hoạt động theo đúng chế độ kế toán thống kê theo các quy định của pháp luật về kế toán thống kê của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày được đăng ký giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.
3. Báo cáo hàng năm của Công ty bao gồm: Báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty; báo cáo tài chính của Công ty.
4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính của Công ty phải được gửi đến cơ quan thuế; Cơ quan đăng ký kinh doanh; Cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan và chủ sở hữu Công ty.

Điều 11. Nguyên tắc sử dụng lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh

Chủ sở hữu Công ty quyết định việc sử dụng lợi nhuận của Công ty khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý

- Hội đồng Thành viên
- Giám đốc
- Kiểm soát viên

Điều 13. Hội đồng thành viên

1. Thành viên Hội đồng thành viên do chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ không quá 05 năm.

Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Quyền, nghĩa vụ và quan hệ làm việc của Hội đồng thành viên đối với chủ sở hữu công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 14. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên do chủ sở hữu bổ nhiệm.
2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc đề lấy ý kiến các thành viên;
 - c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;
 - d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng thành viên;
 - đ) Thay mặt Hội đồng thành viên ký các nghị quyết của Hội đồng thành viên;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014
3. Trường hợp vắng mặt hoặc không đủ năng lực để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, thì Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 15. Triệu tập họp Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên được triệu tập họp theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được tổ chức tại trụ sở chính của công ty hoặc nơi khác do Hội đồng thành viên Công ty quyết định.

Chủ tịch Hội đồng thành viên chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và triệu tập họp Hội đồng thành viên. Thành viên có quyền kiến nghị bổ sung nội dung chương trình họp bằng văn bản. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội đồng thành viên nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy định được gửi đến trụ sở chính của công ty chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng thành viên; trường hợp kiến nghị được trình ngay trước khi họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp tán thành.

2. Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp.

Chương trình và tài liệu họp phải được gửi cho thành viên công ty trước khi họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, thông qua phương hướng phát triển công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, tổ chức lại hoặc giải thể công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày họp.

3. Cuộc họp của Hội đồng thành viên được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên dự họp. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết có giá trị như nhau. Hội đồng thành viên có thể thông qua quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Nghị quyết của Hội đồng thành viên được thông qua khi có hơn một nửa số thành viên dự họp tán thành. Nghị quyết của Hội đồng thành viên có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày ghi tại nghị quyết đó.

5. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Nội dung biên bản họp Hội đồng thành viên áp dụng theo quy định tại Điều 61 của Luật doanh nghiệp.

Điều 16. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty chỉ có 01 người đại diện theo pháp luật và chức danh của người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng thành viên.

2. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty

a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

b. Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 17. Giám đốc Công ty

1. Chủ sở hữu bổ nhiệm Giám đốc Công ty với nhiệm kỳ không quá 05 năm để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Giám đốc Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng thành viên;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;

e) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Hội đồng thành viên;

f) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

3. Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh của công ty.

Điều 18. Kiểm soát viên

1. Chủ sở hữu công ty quyết định số lượng Kiểm soát viên là 01 người với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Kiểm soát viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng thành viên và Giám đốc Công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của công ty;

b) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan nhà nước có liên quan;

c) Kiến nghị chủ sở hữu công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của công ty;

d) Xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty. Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên;

đ) Tham dự và thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng thành viên và các cuộc họp khác trong công ty;

e) Quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ Công ty hoặc theo yêu cầu, quyết định của chủ sở hữu Công ty;

3. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp năm 2014;

b) Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc Công ty, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành, nghề kinh doanh của công ty.

4. Kiểm soát viên độc lập và chủ động thực hiện các nhiệm vụ và công việc được phân công đề xuất, kiến nghị thực hiện các nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi được phân công khi xét thấy cần thiết.

Điều 19. Trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Giám đốc và kiểm soát viên:

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của chủ sở hữu Công ty trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và Chủ sở hữu công ty.

3. Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

5. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 20. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý Công ty

1. Người quản lý công ty là người giữ chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên; Thành viên Hội đồng thành viên; Kiểm soát viên; Giám đốc; Kế toán trưởng.

2. Người quản lý Công ty được hưởng thù lao hoặc tiền lương và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

3. Chủ sở hữu Công ty quyết định mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty. Thù lao, lương và lợi ích khác của người quản lý Công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 21. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với những người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những người sau đây phải được Hội đồng thành viên xem xét quyết định:

- a) Chủ sở hữu Công ty và người có liên quan của chủ sở hữu công ty;
- b) Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty và kiểm soát viên;
- c) Người có liên quan của những người quy định tại điểm b khoản này;
- d) Người quản lý Công ty của chủ sở hữu, người có thẩm quyền bổ nhiệm những người quản lý Công ty;
- e) Người có liên quan của những người quy định tại điểm d khoản này;

Người ký hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng thành viên và kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch đó.

2. Hội đồng thành viên và kiểm soát viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

3. Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;
- b) Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký hoặc giao dịch được thực hiện;
- c) Chủ sở hữu công ty tuân thủ đúng nghĩa vụ quy định tại Khoản 4 Điều 76 luật doanh nghiệp.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được ký kết không đúng quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty. Người ký hợp đồng và người có liên quan là các bên của hợp đồng phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG IV GIẢI THỂ, TRANH CHẤP, TỔ TỤNG

Điều 22. Giải thể Công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo quyết định của chủ sở hữu Công ty;
 - c) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.
3. Trình tự thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định tại Điều 202 Luật Doanh nghiệp.

Điều 23. Thủ tục thanh lý tài sản Công ty khi giải thể

1. Tài sản của Công ty khi giải thể được thanh toán theo thứ tự sau đây:
 - a) Chi phí giải thể Công ty;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế và các khoản nợ khác.
2. Sau khi đã thanh toán hết chi phí giải thể Công ty và các khoản nợ, phần còn lại thuộc về chủ sở hữu pháp nhân, các thành viên góp vốn.

Điều 24. Tranh chấp – tố tụng

Việc tranh chấp giữa Công ty với các cá nhân, tổ chức khác trước hết do các bên thỏa thuận giải quyết trên cơ sở vận dụng các quy định trong Điều lệ này và quy định của Luật Doanh nghiệp, của các văn bản khác có liên quan.

Trường hợp không thể tự giải quyết được thì đưa đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết hoặc một cơ quan trọng tài kinh tế do các bên thỏa thuận.

CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 25. Hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Công ty được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 26. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan khác điều chỉnh.

Những vấn đề quy định chưa được rõ ràng trong bản điều lệ này sẽ do chủ sở hữu Công ty quyết định trên cơ sở áp dụng các quy định pháp luật hiện hành.

Điều lệ này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty hoặc phù hợp với những thay đổi của các văn bản pháp luật có liên quan.

Việc sửa đổi hay bổ sung Điều lệ này do chủ sở hữu Công ty quyết định và phải đăng ký lại với cơ quan đăng ký kinh doanh.

Điều lệ này gồm có 05 Chương, 26 Điều, được lập thành 03 bản, 01 bản gửi Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư để đăng ký kinh doanh, 02 bản lưu lại trụ sở chính của Công ty.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 12 tháng 6 năm 2018

Đại diện theo pháp luật của Công ty

(ký và ghi rõ họ tên)

Chủ sở hữu Công ty

(ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Tuấn

Dinh Ngọc Thuận